

Vietnam Daily Review

Biến động nhẹ đầu tuần

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 5/7/2022	•		
Tuần 4/7-8/7/2022	•		
Tháng 7/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường giằng co trong cả ngày, cuối cùng kết phiên giảm hơn 3 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 8/19 ngành tăng điểm, trong đó mức tăng mạnh nhất thuộc về ngành Dịch vụ tài chính. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Khối lượng giao dịch vẫn tiếp tục duy trì ở mức thấp; trong những phiên tới có thể VN-Index vẫn tiếp tục giao dịch quanh vùng 1200.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc giao dịch ngắn hạn trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 04/07/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-3.37** điểm, đóng cửa **1195.53** điểm. HNX-Index **2.31** điểm, đóng cửa **281.19** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIB (+0.88)**, **VNM (+0.75)**, **MBB(+0.39)**, **TCB (+0.31)**, **LPB (+0.22)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MWG (-0.89)**, **GAS (-0.66)**, **HPG (-0.58)**, **DGC (-0.51)**, **VHM (-0.43)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 8.923 tỷ đồng, giảm **15.23%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 10.087 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 16.33 điểm. Thị trường có **228** mã tăng, 66 mã tham chiếu và **219** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-131.16 tỷ** đồng trên sàn HOSE, gồm **MWG (-80.64 tỷ)**, **HPG (-30.98 tỷ)**, **NVL (-29.15 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-1.66 tỷ** đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1195.53**

Giá trị: 8922.66 tỷ

-3.37 (-0.28%)

Khối ngoại (ròng): -131.16 tỷ

HNX-INDEX **281.19**

Giá trị: 813.9 tỷ

2.31 (0.83%)

Khối ngoại (ròng): -1.66 tỷ

UPCOM-INDEX **87.90**

Giá trị: 0.44 tỷ

-0.28 (-0.32%)

Khối ngoại (ròng): -45.38 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	107.5	-0.89%
Giá vàng	1,807	-0.26%
Tỷ giá USD/VND	23,311	0.14%
Tỷ giá EUR/VND	24,333	0.42%
Tỷ giá JPY/VND	17,226	-0.01%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	0.22%
LS TPCP 5 năm	2.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	66.4	MWG	-80.6
VHM	32.1	HPG	-31.0
VHC	21.1	NVL	-29.2
VND	15.1	CTG	-26.7
HDG	14.3	DGC	-15.2

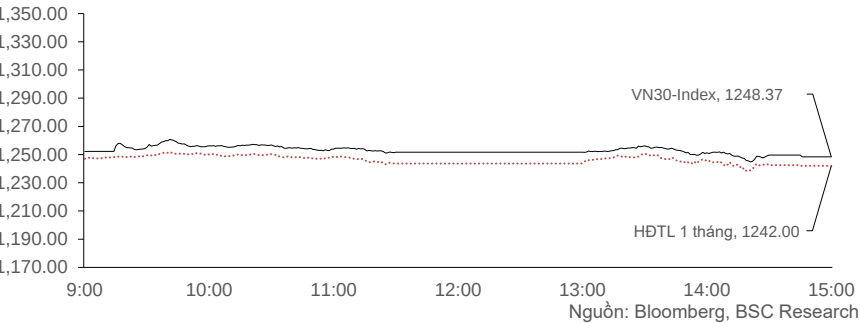
Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 3
Thống kê thị trường	Trang 4
Khuyến nghị dài hạn	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2207	1242.00	0.00%	-6.37	-26.2%	245,644	7/21/2022	19
VN30F2208	1237.00	-0.22%	-11.37	-28.5%	893	8/18/2022	47
VN30F2209	1238.90	-0.01%	-9.47	-28.4%	96	9/15/2022	75
VN30F2212	1238.00	-0.02%	-10.37	65.8%	262	12/15/2022	166

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -3.87 điểm xuống 1248.37 điểm, biên độ dao động 19.83 điểm. Các cổ phiếu như FPT, VNM, TCB, STB và HDB đã tác động đến nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc giao dịch ngắn hạn trong phiên.
- Các HĐTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, hầu hết các HĐ đều giảm, chỉ riêng HĐ VN30F2212 tăng so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở, hầu hết các HĐ đều giảm, chỉ riêng HĐ VN30F2209 tăng so với phiên trước đó so với phiên trước đó. Nhịp vận động của VN30 trong phiên hôm nay biến động trong biên độ nhỏ, với mức thanh khoản vẫn ở dưới mức thấp.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMBB2207	1/3/2023	183	10:1	479,400	35.41%	1,000	680	23.64%	305	2.23	32,656	23,456	24,600
CVNM2203	8/15/2022	42	20:1	844,000	26.14%	1,000	220	15.79%	27	8.01	107,511	81,111	129,600
CSTB2211	12/27/2022	176	8:1	960,800	46.76%	1,000	580	13.73%	312	1.86	31,173	23,333	22,350
CSTB2213	1/3/2023	183	8:1	49,700	46.76%	1,000	580	9.43%	270	2.15	35,324	24,444	22,350
CVNM2204	10/7/2022	95	10:1	427,000	26.14%	1,500	910	8.33%	475	1.92	81,600	73,000	75,100
CVRE2209	12/27/2022	176	8:1	12,700	38.39%	1,000	590	5.36%	300	1.97	30,888	30,888	28,500
CPDR2204	1/3/2023	183	16:1	200	32.54%	1,000	600	5.26%	197	3.04	77,499	57,979	51,600
CVJC2203	12/27/2022	176	20:1	43,700	28.16%	1,400	1,160	1.75%	551	2.11	145,731	131,131	129,600
CMBB2206	10/3/2022	91	10:1	177,400	35.41%	1,000	510	0.00%	298	1.71	101,222	22,222	24,600
CMSN2205	12/27/2022	176	20:1	80,700	42.53%	1,200	950	-5.00%	600	1.58	135,179	113,979	107,700
CPNJ2202	10/3/2022	91	24.8:1	104,300	40.67%	1,200	1,170	-7.14%	1,246	0.94	130,482	99,999	123,800
CNVL2202	8/15/2022	42	16:1	186,000	26.34%	1,000	240	-7.69%	56	4.27	93,279	79,999	74,000
CFPT2203	8/1/2022	28	3.3:1	468,500	33.09%	3,800	3,220	-10.56%	3,095	1.04	86,866	95,000	86,700
CFPT2201	9/20/2022	78	6.6:1	245,700	33.09%	2,100	1,290	-11.64%	910	1.42	88,884	106,000	86,700
CPNJ2203	10/3/2022	91	24.8:1	57,300	40.67%	1,300	1,130	-11.72%	1,075	1.05	126,542	109,999	123,800
CVPB2204	11/15/2022	134	16:1	1,100	37.53%	1,000	500	-13.79%	131	3.81	30,888	30,888	29,200
CMWG2201	9/20/2022	78	4.97:1	301,900	33.92%	2,600	1,500	-19.79%	1,328	1.13	68,352	134,500	67,800
CMWG2204	10/7/2022	95	4.97:1	998,200	33.92%	3,000	850	-32.00%	900	0.94	77,249	45,000	67,800
CVPB2203	7/15/2022	11	16:1	81,100	37.53%	1,000	120	-36.84%	58	2.08	28,888	28,888	29,200
CFPT2108	7/6/2022	2	4.95:1	91,000	33.09%	3,280	240	-57.89%	198	1.21	90,662	106,835	86,700
Tổng				5,610,700	35.40%**								
Chú thích:		Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
		Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
		**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

- Trong phiên giao dịch ngày 04/07/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CVHM2206 và CSTB2202 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 100.00% và 50.00%. Giá trị giao dịch giảm 25.56%, CHPG2213 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.58% thị trường.
- CVHM2204, CVRE2208, CSTB2214 và CVRE2208 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2213, CPNJ2201, CVRE2209 và CMWG2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CFPT2203 và CPNJ2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	67.8	-3.6%	0.7	4,315	15.4	3,515	19.3	4.4	48.8%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	123.8	-3.4%	0.7	1,305	4.4	5,443	22.7	3.7	49.0%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	53.7	1.1%	1.3	1,733	1.4	2,529	21.2	1.8	26.5%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	47.7	-0.2%	0.6	486	0.1	3,644	13.1	1.4	58.5%	11.1%
VIC	Bất động sản	72.7	0.1%	0.5	12,055	2.4	(578) #N/A	N/A	2.6	12.3%	-2.4%
VRE	Bất động sản	28.5	-0.5%	1.1	2,816	1.2	401	71.1	2.1	31.1%	3.0%
VHM	Bất động sản	61.0	-0.7%	0.8	11,549	6.0	8,786	6.9	2.1	23.4%	34.5%
DXG	Bất động sản	20.2	2.5%	1.5	534	2.8	1,503	13.4	1.3	31.3%	11.3%
SSI	Chứng khoán	20.2	2.5%	1.7	1,309	17.4	2,841	7.1	1.4	34.1%	22.6%
VCI	Chứng khoán	36.6	3.5%	1.0	533	6.2	4,884	7.5	1.7	18.7%	26.9%
HCM	Chứng khoán	23.1	6.9%	1.6	459	6.2	2,619	8.8	1.4	43.1%	17.9%
FPT	Công nghệ	86.7	-1.5%	0.9	4,135	3.8	4,293	20.2	4.9	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	66.5	-5.0%	0.4	949	0.0	4,926	13.5	3.6	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	108.6	-1.3%	0.9	9,037	2.2	5,109	21.3	3.8	3.0%	19.2%
PLX	Dầu khí	40.4	-0.6%	1.5	2,229	0.4	1,950	20.7	2.0	17.3%	9.9%
PVS	Dầu khí	24.8	1.2%	1.6	515	5.6	1,408	17.6	1.0	8.9%	5.5%
BSR	Dầu khí	27.3	-0.7%	0.8	3,680	7.8	2,108	13.0	2.3	41.1%	19.1%
DHG	Dược	88.2	0.3%	0.3	501	0.0	6,105	14.4	3.2	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	49.8	0.7%	1.2	847	4.2	12,920	3.9	1.6	16.7%	50.2%
DCM	Hóa chất	32.0	1.6%	1.2	737	4.4	5,643	5.7	1.9	10.1%	38.9%
VCB	Ngân hàng	74.1	0.1%	0.8	15,247	2.4	4,855	15.3	3.0	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	35.1	0.0%	1.2	7,709	2.8	2,266	15.5	2.0	16.9%	13.8%
CTG	Ngân hàng	26.6	-1.3%	1.5	5,558	4.7	2,558	10.4	1.3	26.5%	13.0%
VPB	Ngân hàng	29.2	0.3%	1.2	5,644	11.2	3,874	7.5	1.5	17.4%	24.0%
MBB	Ngân hàng	24.6	1.7%	1.3	4,041	6.7	3,623	6.8	1.5	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	24.3	0.8%	1.1	3,561	1.9	3,081	7.9	1.7	37.5%	24.2%
BMP	Nhựa	57.1	-0.2%	0.7	203	0.0	3,150	18.1	1.9	85.6%	10.7%
NTP	Nhựa	37.8	1.1%	0.6	194	0.1	3,990	9.5	1.6	17.8%	16.9%
MSR	Tài nguyên	18.3	0.5%	1.5	875	0.1	178	102.8	1.4	10.1%	1.4%
HPG	Thép	22.0	-1.8%	1.1	5,562	12.1	5,726	3.8	1.3	20.6%	40.4%
HSG	Thép	16.9	0.0%	1.6	363	3.4	7,157	2.4	0.7	7.2%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	75.1	1.9%	0.6	6,824	10.3	4,390	17.1	4.9	54.4%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	153.5	-0.3%	0.8	4,280	0.1	5,969	25.7	4.6	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	107.7	-0.9%	1.0	6,667	1.7	7,041	15.3	5.6	28.8%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	17.9	1.1%	1.6	490	0.6	1,144	15.7	1.3	8.1%	8.3%
ACV	Vận tải	78.9	-0.1%	0.8	7,468	0.0	363	217.5	4.6	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	129.6	-0.4%	1.1	3,052	3.3	361	358.5	4.1	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	15.8	1.0%	1.7	1,516	0.5	(5,210) #N/A	N/A #N/A	N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	50.8	-1.2%	0.9	666	3.7	2,256	22.5	2.3	45.6%	10.8%
PVT	Vận tải	20.5	0.0%	1.4	288	1.5	2,088	9.8	1.2	12.8%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	73.8	0.4%	0.9	513	0.1	10,540	7.0	2.3	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	53.1	0.4%	0.7	1,035	2.0	3,677	14.4	3.1	5.6%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	3.0%	1.2	259	0.4	783	19.9	1.1	1.9%	5.6%
CTD	Xây dựng	54.1	0.6%	1.3	174	0.4	(27) #N/A	N/A	0.5	49.0%	0.0%
CII	Xây dựng	16.4	0.6%	1.4	179	1.7	1,266	12.9	0.8	10.0%	6.1%
REE	Điện	85.0	-1.2%	-1.4	1,313	1.9	5,994	14.2	2.2	49.0%	16.7%
PC1	Điện	38.5	-3.8%	-0.4	394	2.2	3,238	11.9	1.9	4.8%	16.9%
POW	Điện	13.5	-0.7%	0.6	1,375	5.3	859	15.7	1.1	2.3%	6.9%
NT2	Điện	24.9	-1.4%	0.7	312	1.3	1,933	12.9	1.6	13.6%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	32.5	-0.2%	1.5	1,085	2.6	866	37.5	1.7	19.4%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	63.0	0%	0.9	2,835	0.1	1,190	52.9	3.9	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	75.10	1.90	0.76	3.14MLN
VIB	24.30	6.81	0.63	4.23MLN
MBB	24.60	1.65	0.39	6.32MLN
TCB	36.35	0.97	0.32	3.15MLN
VND	19.20	3.23	0.19	27.09MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-2.20	462800	1.11MLN
MSN	0.00	-0.67	357800	607060
DGC	-0.01	-0.56	1.79MLN	373600
MWG	0.00	-0.48	5.18MLN	192700
HPG	0.00	-0.47	12.44MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ROS	3.06	6.99	0.03	1.48MLN
TNC	53.70	6.97	0.02	600
HAG	9.52	6.97	0.15	23.61MLN
PTC	9.52	6.97	0.01	370700
HCM	23.10	6.94	0.18	6.23MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ANV	48.00	-6.98	-0.12	2.42MLN
CEE	12.05	-6.95	-0.01	9200
HDG	51.10	-6.92	-0.20	2.07MLN
HOT	33.00	-6.91	-0.01	1400
VSH	41.00	-6.82	-0.19	248300

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

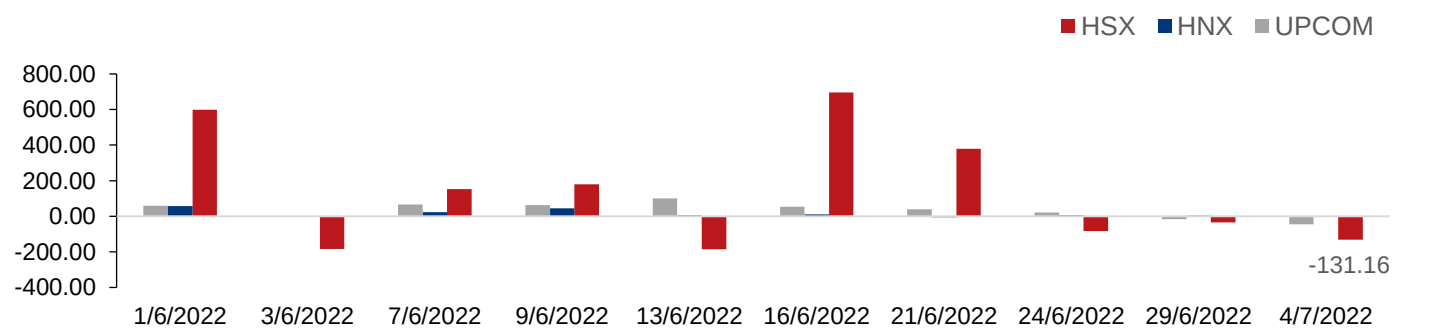
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAB	18.00	3.45	0.68	10300.00
SHS	15.00	3.45	0.52	6.44MLN
IDC	50.30	1.62	0.33	860800
HUT	27.20	1.49	0.14	2.57MLN
EVS	27.80	8.59	0.13	2700

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNG	29.60	-3.58	-0.13	1.96MLN
CEO	27.70	-1.07	-0.10	2.38MLN
CSC	53.10	-2.57	-0.03	15500
L14	101.10	-0.88	-0.03	140400
API	36.00	-2.70	-0.02	24900

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TTH	3.30	10.0	0.02	331600
INN	53.30	9.9	0.11	39700
MHL	8.90	9.9	0.00	700
NFC	14.50	9.9	0.01	2000
KLF	3.40	9.7	0.08	3.93MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PRC	16.40	-9.89	0.00	400
SDN	47.60	-9.85	-0.01	200
DAE	21.70	-9.58	0.00	200
VTZ	9.00	-9.09	-0.02	4100
ICG	7.30	-8.75	-0.01	1300

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	62.9	3,434	18.3	5.1	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	123.8	5,443	22.7	3.7	Click
3	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	13.9	1,701	8.2	0.6	Click
4	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	24.9	1,933	12.9	1.6	Click
5	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	70.7	10,029	7.0	1.4	Click
6	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	86.0	4,874	17.6	5.6	Click
7	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	38.5	3,238	11.9	1.9	Click
8	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	13.2	-129	#N/A N/A	0.7	Click
9	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	86.7	4,293	20.2	4.9	Click
10	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	27.5	2,466	11.2	1.8	Click
11	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	18.7	9,632	1.9	0.8	Click
12	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.5	859	15.7	1.1	Click
13	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	123.8	5,443	22.7	3.7	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	67.8	3,515	19.3	4.4	Click
15	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	20.5	2,088	9.8	1.2	Click
16	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	106.2	8,710	12.2	5.4	Click
17	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	22.0	5,726	3.8	1.3	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	32.5	866	37.5	1.7	Click
19	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	22.0	5,084	4.3	1.4	Click
20	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	20.2	1,503	13.4	1.3	Click
21	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	62.0	4,775	13.0	5.0	Click
22	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	48.0	2,136	22.5	2.4	Click
23	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	29.6	2,701	11.0	2.0	Click
24	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	87.4	8,331	10.5	2.5	Click
25	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	29.4	1,941	15.1	1.3	Click
26	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	47.7	3,644	13.1	1.4	Click
27	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	24.8	1,408	17.6	1.0	Click
28	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	108.6	5,109	21.3	3.8	Click
29	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	19.9	3,141	6.3	1.3	Click
30	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	54.1	-27	#N/A N/A	0.5	Click
31	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	13.9	1,701	8.2	0.6	Click
32	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	9.4	1,350	7.0	0.4	Click
33	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	9.4	1,350	7.0	0.4	Click
34	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	10.4	2,433	4.3	0.8	Click
35	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	123.8	5,443	22.7	3.7	Click
36	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	123.8	5,443	22.7	3.7	Click
37	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	67.8	3,515	19.3	4.4	Click
38	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	45.1	2,762	16.3	3.2	Click
39	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	35.5	1,900	18.7	1.5	Click
40	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	27.3	2,108	13.0	2.3	Click
41	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	15.8	1,034	15.3	0.9	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	87.4	8,331	10.5	2.5	Click
43	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	41.0	2,916	14.1	2.2	Click
44	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	11.5	991	11.6	0.8	Click
45	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	22.4	1,956	11.5	1.2	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	41.0	3328.9	12.3	1.8	Click
47	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	24.9	1,933	12.9	1.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
5	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
6	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
7	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
10	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
13	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
14	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
15	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
16	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
19	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
22	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
25	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
28	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
29	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
31	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
33	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
35	Banking Sector Outlook		x	Click
36	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
38	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
39	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
40	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
41	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
43	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
44	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639